TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. P** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2024/HS-ST
Ngày 26-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P,
TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đăng Chương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Khánh.

Bà Nguyễn Thị Minh Trâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Cao Nhật Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đào Nhã Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

TRẦN THỊ H, tên gọi khác: **Đ**; sinh năm: 1970 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 (đã chết) và bà Trần Thị H1 (đã chết); chồng, con: Không có; tiền sự: Không; tiền án:

- Ngày 14 tháng 9 năm 2021, bị Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo (thời gian thử thách 18 tháng) về tội trộm cắp tài sản. Ngày 08 tháng 02 năm 2023, chấp hành xong hình phạt.

Nhân thân:

- Ngày 16 tháng 7 năm 2021, bị Công an TP. P xử phạt hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi Bán dâm.

- Ngày 23 tháng 4 năm 2024, bị Công an TP. P xử phạt hành chính số tiền 400.000 đồng về hành vi Bán dâm.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông Võ Đình H2, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Bà Lê Thị N1, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Khu phố 10, phường P1, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 22/01/2024, ông Võ Đình H2, sinh năm 1979, trú tại thôn L, xã A, huyện NN, điều khiển xe mô tô đi đến công viên đối diện bệnh viện Phan Rang – Sài Gòn tìm gái bán dâm để mua dâm. Tại đây, ông H2 gặp Trần Thị H (là gái bán dâm) thoả thuận và thống nhất giá mua bán dâm là 200.000 đồng. Trần Thị H cùng ông H2 đến nhà nghỉ Xuân Hiền, thuộc khu phố 10, phường P1, thành phố P để quan hệ tình dục. Thấy ông H2 để tiền trong ví, bị cáo đã nảy sinh ý định lấy trộm tiền của ông H2. Lợi dụng lúc ông H2 đang quan hệ tình dục không chú ý đến tài sản, bị cáo đã lén lút lấy 01 xấp tiền được cột bằng dây thun từ trong ví tiền nằm trong túi áo khoác của ông H2 đang để trên giường. Sau đó, bị cáo lấy lý do ra ngoài mua bia về phòng uống rồi đi ra khỏi nhà nghỉ và trả nợ cho 03 người thanh niên (không rõ nhân thân) với tổng số tiền 2.100.000 đồng rồi đi bộ về phòng trọ của bị cáo ở khu phố 7, phường P1, thành phố P.

Tại Cơ quan Công an, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp số tiền 4.600.000 đồng.

Quá trình điều tra, ông H2 khai bị mất số tiền 11.800.000 đồng nhưng bị cáo chỉ thừa nhận trộm cắp của ông Hậu số tiền 6.700.000 đồng. Mặt khác, ông H2 không có chứng cứ nào để chứng minh số tiền mình bị mất nên chỉ có cơ sở xác định số tiền bị cáo trộm cắp là 6.700.000 đồng.

**** Về vật chứng của vụ án:***

- Số tiền 4.600.000 đồng, trả lại cho ông Võ Đình H2.

- Số tiền 2.100.000 đồng, bị cáo đã sử dụng để trả nợ, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

Ông Võ Đình H2 không có yêu cầu gì về dân sự.

* Đối với hành vi mua bán dâm của Võ Đình H2 và Trần Thị H, Công an TP. Phan Rang- Tháp Chàm đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền.

Bản cáo trạng số: 129/CT-VKSPR ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Trần Thị H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị H mức án từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 22/01/2024, tại nhà nghỉ Xuân Hiền, thuộc khu phố 10, phường P1, thành phố P, bị cáo Trần Thị Huệ đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền: 6.700.000 đồng của ông Võ Đình H2.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân TP. P truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, H2 quả của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tài sản thuộc sở hữu của người khác là bất khả

xâm phạm, luôn được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại đến đều bị pháp luật trừng trị nhưng với bản chất tham lam lười lao động, muốn hưởng thụ nhưng lại không chịu lao động chân chính, bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân xấu; đã từng bị kết án về tội *"Trộm cắp tài sản"* chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự *"tái phạm"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét, cân nhắc cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định như thế mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Quá trình điều tra, ông H2 khai bị mất số tiền 11.800.000 đồng nhưng bị cáo chỉ thừa nhận trộm cắp của ông Hậu số tiền 6.700.000 đồng. Mặt khác, ông H2 không có chứng cứ nào để chứng minh số tiền mình bị mất nên chỉ có cơ sở xác định số tiền bị cáo trộm cắp là 6.700.000 đồng.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Võ Đình H2 đã nhận lại số tiền 4.600.000 đồng và không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu ông Võ Đình H2 số tiền 4.600.000 đồng là phù hợp;

- Số tiền 2.100.000 đồng, bị cáo H đã sử dụng để trả nợ, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

[9] Xét quan điểm của Viện kiểm sát về việc định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo, xác định tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị mức án là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội, quan điểm xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H **09 (*chín*)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000^{đ} (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/6/2024); bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. P;
- CQĐT Công an TP. P;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Chi cục THADS TP. P;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND phường T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Đăng Chương